

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA PHỔ THÔNG SAU NĂM 2015

TS. NGUYỄN THU TUẤN*

Mỗi giai đoạn phát triển của đất nước đều đặt ra những yêu cầu mới cho đào tạo nguồn nhân lực, vì vậy chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) cần có những thay đổi thích hợp để góp phần đáp ứng những yêu cầu mới đó. Tuy nhiên, CT GDPT hiện hành đang bộc lộ những bất cập, cần được giải quyết bởi một loạt các giải pháp đồng bộ theo hướng vừa kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, vừa thực hiện những đổi mới để đáp ứng các yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, đáp ứng sự phát triển của bản thân CT và khắc phục những tồn tại, hạn chế của CT cũ (1).

Mặt khác, từ những đòi hỏi phải nâng cao chất lượng dạy và học, từ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục để đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, việc xây dựng và phát triển CT, sách giáo khoa (SGK) mới là hết sức cần thiết (2). Để nâng cao chất lượng CT, SGK mới sau năm 2015, cần có một hệ thống những giải pháp đồng bộ, từ việc đổi mới mục tiêu giáo dục cho đến cách thức tổ chức, điều hành, tổng kết, đánh giá chất lượng CT và SGK của các cơ quan quản lý, cũng như chuẩn bị nguồn nhân lực, nguồn tài chính và sự quan tâm, phối hợp của nhiều cơ quan, ban ngành (3). Các giải pháp đó là:

1. Xây dựng CT, SGK mới theo quan điểm giáo dục hiện đại

Việc xây dựng và phát triển CT GDPT theo quan điểm giáo dục hiện đại nhằm phát huy những thành tựu, khắc phục những tồn tại của các CT trước đó, tạo dựng một bộ CT mới phù hợp với truyền thống và những đổi mới của đất nước, của GDPT Việt Nam để ngày càng tiếp cận được với trình độ GDPT của các nước phát triển trên thế giới. CT GDPT mới phải là CT giáo dục quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước nhưng được phép vận dụng linh hoạt để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng vùng/miền, từng nhà trường, từng đối tượng học sinh (HS) (1). Một CT GDPT hiện đại cần đặt ra được

những thách thức mà HS phải liên tục nỗ lực phấn đấu để vượt qua. Để làm việc này, các môn học phải được tổ chức thiết kế và thực thi sao cho có thể cung cấp cho HS cách học, cách giải quyết vấn đề, cách khai thác thông tin từ những nguồn khác nhau, kĩ thuật xử lí thông tin..., từ đó kiến tạo kiến thức mới cho bản thân hoặc giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Qua đó, HS cảm thấy tự tin vào bản thân, có động lực tìm tòi các vấn đề mới (4).

Biên soạn một CT chuẩn quốc gia với nhiều bộ SGK khác nhau là một vấn đề mới đối với Việt Nam, nhưng đã là phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Quan điểm này hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu hướng chung, tạo điều kiện để người dạy và người học lựa chọn những cuốn SGK phù hợp nhất, tốt nhất để nâng cao chất lượng dạy và học. Nhưng trước khi đưa ra quyết định về vấn đề này, cần trả lời thỏa đáng những câu hỏi sau: Cần bao nhiêu bộ SGK: 2, 3 hay 4 bộ? Nếu nhà xuất bản (NXB) là đơn vị trực tiếp tổ chức biên soạn SGK thì ngoài NXB Giáo dục Việt Nam đang rất có uy tín và ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, sẽ có những NXB lớn nào khác đảm nhiệm được việc này? Có cần thiết phải tổ chức đấu thầu giữa các NXB không? (vì có cạnh tranh nên cũng khiến cho SGK sẽ có chất lượng tốt hơn). Với công tác quản lí, cấp nào là người trực tiếp lựa chọn bộ SGK để dạy cho HS (các Sở GD-ĐT hay Ban giám hiệu nhà trường, hay giáo viên (GV) bộ môn?) (5). Theo quan điểm của chúng tôi, xuất phát từ điều kiện cụ thể của thực tiễn dạy và học hiện nay ở phổ thông, việc biên soạn nhiều bộ SGK ở Việt Nam đến khi nào nên thực hiện và thực hiện như thế nào cần phải cân nhắc thấu đáo, thận trọng nhưng cũng đòi hỏi phải có quyết định khẩn trương để nó trở thành hiện thực và đem lại lợi ích cho nền giáo dục nước nhà. Trong một quốc gia, CT giáo dục nên thống nhất, nhưng trong quá trình vận dụng cần có phần cứng và phần mềm (phần cứng bao gồm những tri thức chung mang tính bắt buộc do nhà nước quản lí; phần mềm bao gồm tri

* Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

thức địa phương). Trước mắt, cả nước thống nhất một bộ SGK mới, trong đó dành cho địa phương quyền xây dựng các tài liệu giáo khoa bổ trợ phù hợp với đặc điểm của người học và đặc thù của địa phương mình (tất nhiên, các tài liệu giáo khoa địa phương này phải được sự thẩm định và góp ý của Hội đồng thẩm định quốc gia) (3). Trong điều kiện chưa có nhiều bộ SGK cho từng vùng/miền thì SGK mới sau năm 2015 nên có chỉ dẫn cụ thể để GV có thể chủ động linh hoạt tổ chức các hoạt động dạy học sao cho phù hợp với thực tế của từng địa phương.

CT GDPT và SGK mới sẽ được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực của người học (tức là xuất phát từ các năng lực mà mỗi HS cần có trong cuộc sống, và kết quả cuối cùng là phải đạt được các năng lực ấy). Theo đó, nội dung - phương pháp dạy học - phương pháp kiểm tra, đánh giá đều phải hướng tới năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong học tập, trong cuộc sống, coi trọng rèn luyện kỹ năng sống (6). Vì vậy, nó phải được xuất phát từ các năng lực thiết yếu cần có trong cuộc sống hiện tại và tương lai đối với mỗi HS, trên cơ sở đó mà lựa chọn, đề xuất các lĩnh vực học tập, các hoạt động giáo dục cho tương thích và hữu ích. Năng lực HS cần có là các năng lực chung và năng lực chuyên nghiệp. Cơ sở để hình thành năng lực là kiến thức. Để thực hiện việc rèn luyện năng lực, CT cần được đặt trên nền tảng của một nguyên lý: kiến thức phải được HS tự kiến tạo chứ không phải được chuyển giao từ GV. Việc rèn luyện năng lực đòi hỏi phải có đủ thời gian, HS phải sử dụng nhiều lần, lặp đi lặp lại mới có thể tăng cường năng lực cả về chiều rộng lẫn chiều sâu (4).

2. Quy trình lựa chọn, xét duyệt chất lượng SGK đưa vào sử dụng

Theo chúng tôi, Bộ GD-ĐT phải là đơn vị chủ quản để hướng dẫn, chỉ đạo việc biên soạn CT. Các NXB lớn, có uy tín sẽ là những đơn vị trực tiếp tổ chức biên soạn SGK. Sau khi biên soạn xong, Bộ GD-ĐT sẽ thẩm định chất lượng và đưa ra quyết định cuối cùng để bộ SGK nào sẽ được lựa chọn đưa vào dạy ở trường phổ thông.

3. Vấn đề tác giả biên soạn CT và viết SGK

CT và SGK phải là một công trình nghiên cứu khoa học sư phạm thực sự, là kết quả hoàn hảo của một quá trình lao động nghiêm túc của đội ngũ tác giả có trình độ chuyên môn và am hiểu giáo dục phổ thông. Khi soạn thảo CT và biên soạn SGK phổ thông hiện hành, Bộ GD-ĐT đã tập hợp được một đội ngũ

hùng hậu các nhà khoa học, các nhà giáo dục ở trung ương và địa phương cùng tham gia. Tuy nhiên, khi tổ chức biên soạn CT và SGK mới sau năm 2015, Bộ GD-ĐT cần có sự chọn lọc tinh hơn, kĩ hơn, nghiêm ngặt hơn đội ngũ tác giả bằng cách đưa ra tiêu chí lựa chọn tác giả (7) để đảm bảo CT và SGK mới sau năm 2015 được biên soạn tốt nhất, tạo điều kiện tối ưu cho việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

4. Công tác quản lí

Đổi mới cơ chế quản lí, điều hành là vấn đề cơ bản và then chốt, gần như có vai trò quyết định thành bại của toàn bộ công tác đổi mới giáo dục và đào tạo (7).

- Thường xuyên tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về CT và các điều kiện triển khai CT để phát huy những ưu điểm; đồng thời phát hiện kịp thời những tồn tại để nhanh chóng điều chỉnh, bổ sung ở các mức độ thích hợp.

- Nâng cao năng lực hoàn thiện về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục để đón đầu những đổi mới của GDPT (1).

- Cần thành lập một Viện chuyên nghiên cứu về CT, SGK phổ thông, ở đó quy tụ một đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí có bề dày kinh nghiệm, có năng lực thực tế trong nghiên cứu, thiết kế CT, SGK. Nhiệm vụ của Viện là nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập; xây dựng chuẩn kiến thức, kĩ năng; thiết lập quan hệ giữa tính pháp lí, tính thống nhất và sự vận dụng linh hoạt CT giáo dục quốc gia theo đặc điểm địa phương, đặc điểm đối tượng HS. Tổ chức này hoạt động phải rất chuyên nghiệp, bài bản và hiệu quả.

5. Đối với các trường sư phạm

Đổi mới GDPT phải bắt đầu từ các trường sư phạm (7). Vì vậy, các trường sư phạm cần nhanh chóng đổi mới căn bản, sâu sắc CT đào tạo cho phù hợp với thực tiễn GDPT đang liên tục thay đổi và phát triển. CT đào tạo mới của các trường sư phạm phải đi trước GDPT, vì vậy cần triển khai ngay từ năm học này để sau 4-5 năm nữa, các khóa sinh viên ra trường có thể dễ dàng tiếp cận và thích ứng được ngay với CT, SGK mới sau 2015.

- Cần có chế độ thu hút để huy động, tập hợp được các giảng viên và cán bộ quản lí giáo dục là những chuyên gia hàng đầu về giáo dục các cấp học phổ thông, các giảng viên có bề dày kinh nghiệm và có năng lực thực tế cấp học phổ thông để họ sẵn sàng tham gia vào công cuộc đổi mới CT và SGK sau năm 2015.

- Tạo điều kiện và khuyến khích các giảng viên thường xuyên cập nhật với CT đổi mới của trường phổ thông, tham gia các đợt tập huấn về phương pháp dạy học hiện đại để sẵn sàng tiếp nhận CT mới, sẵn sàng tham gia bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho GV các địa phương.

- Cần chú ý công tác bồi dưỡng cho đội ngũ GV hiện hành, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn giúp GV nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm chắc nội dung và yêu cầu của CT, SGK mới (3). Các GV không nên quan niệm SGK là một thứ khuôn vàng, thước ngọc để vì thế mà thầy và trò nhất nhất phải tuân theo đến từng câu, từng chữ, từng ví dụ như trong sách (vì SGK được viết bởi một hay một nhóm tác giả, do vậy nó mang rõ tính chủ quan của người biên soạn - mặc dù sách đó đã được thẩm định ở cấp quốc gia). Thực tế cho thấy, những GV giỏi thường có cách dạy riêng của mình trong quá trình sử dụng SGK nhưng lại có hiệu quả rất cao.

6. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước phát triển

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, chúng ta có nhiều cơ hội và điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, học tập cách làm CT, SGK phổ thông của các nước tiên tiến và vận dụng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình - đó là con đường ngắn nhất, tiết kiệm nhất để tiếp cận với xu thế và trình độ GDPT của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới (1).

Xây dựng và phát triển CT, SGK phổ thông mới là một công việc hết sức trọng đại, có ý nghĩa chiến lược đối với ngành giáo dục, cần được tiến hành nghiên cứu và thực hiện một cách nghiêm túc, khẩn trương nhưng thận trọng (3). Để xây dựng và phát triển CT, SGK mới sau năm 2015 thực sự chất lượng, hiệu quả và có tính khả thi, cần thực hiện một hệ thống những giải pháp đồng bộ như trên. □

(1) Đỗ Đình Hoan. "Một số bài học kinh nghiệm từ bốn lần thay đổi chương trình giáo dục phổ thông". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 72, tháng 9/2011.

(2) Trịnh Đình Tùng - Bùi Thị Oanh. "Một số ý kiến về sách giáo khoa môn Lịch sử hiện nay và sau năm 2015". *Tạp chí Giáo dục*, số 312, tháng 6/2013.

(3) Đỗ Ngọc Thống. "Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 62, tháng 11/2010.

(4) Nguyễn Đức Chính. "Vài suy nghĩ về chương trình

và sách giáo khoa phổ thông sau 2015". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 93, tháng 6/2013.

(5) Nguyễn Văn Ninh. "Chương trình Lịch sử phổ thông ở Cộng hòa Pháp và khả năng vận dụng của Việt Nam". *Tạp chí Giáo dục*, số 297, tháng 11/2012.

(6) Ngô Trần Ái. "Sách giáo khoa - cần một tổng công trình sư xuất sắc". *Tạp chí Dạy và học ngày nay*, số 10, 2012.

(7) Vũ Văn Dự. "Suy nghĩ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015". *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 50, tháng 7/2013.

SUMMARY

From requires improving the quality of teaching and learning, from innovation requires radical and comprehensive new education to meet the industrialization and modernization of the country, the construction and development program process, a new textbook is essential, with strategic significance for the education sector.

To build and develop programs, new textbooks after 2015 successfully, there must be a system of synchronized solutions, have been studied and implemented in earnest, cautious. Thus, programs and textbooks after 2015 will have the quality, effectiveness, feasibility, come to life.

Tổ chức dạy nghề theo module...

(Tiếp theo trang 11)

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H 2011.
2. Fulst, Stefan. Im Spannungsfeld von Modularisierung und Europisierung: Die deutsche duale Berufsbildung im Test. Rainer Hampp Verlag: 2003.
3. Fasshauer, Uwe u.a. *Beweglichkeit ohne Beliebigkeit - Modularisierung und Schulentwicklung in der beruflichen Bildung*. W. Bertelsmann Verlag GmbH & Co. KG, Bielefeld. 2001.

SUMMARY

The paper presents the study of modular vocational training, to clarify the difference between the yearly vocational training and vocational training module, assess the status of vocational training modules, on the basis that the proposed solution measures implemented in the modular vocational practice, perform basic policy innovation, comprehensive training.